TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số 22/2019/HNGĐ-PT
Ngày 20-9-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.
Các Thẩm phán: Ông Bùi Đăng Huy.
Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Đàm Thị Hạnh - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 24/2019/TLPT-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 17/2019/HNGĐ-ST ngày 31/5/2019 của Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 22/2019/QĐ-PT ngày 19/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2019/QĐ-PT ngày 06/9/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1990.
HKTT: Thôn Q, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.
Hiện trú tại địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

2. *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1988. Có mặt.
Địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.. Có mặt.

3. Người kháng cáo: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1988; trú tại Thôn Q, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai của các đương sự và tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã T, huyện K cấp Giấy chứng nhận kết hôn

ngày 04/3/2016. Do vợ chồng mâu thuẫn, anh K đã có hành vi đánh chửi chị H nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ sống từ cuối tháng 12 năm 2018 đến nay không ai quan tâm tới ai. Chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Anh K xác định do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị Huyền cũng có mâu thuẫn với bố mẹ anh K nên có lúc anh nóng nảy có lời nói xúc phạm chị H. Nay anh Kiên xác định vẫn còn tình cảm với chị Huyền, nên anh không nhất trí ly hôn.

Về quan hệ con chung: Chị H và anh K có 01 con là Nguyễn Đình Thiên P, sinh ngày 02/9/2017, hiện anh K đang nuôi con. Chị H có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng cho con. Anh K đồng ý để chị H trực tiếp nuôi con trong trường hợp chị H không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng cho con. Tại phiên tòa sơ thẩm anh K đề nghị trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị Huyền cấp dưỡng cho con.

Về quan hệ tài sản: Chị H và anh K không yêu cầu giải quyết.

Tại bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 17/2019/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương đã quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều: 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Nguyễn Văn K. Xử giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là Nguyễn Đình Thiên P, sinh ngày 02/9/2017 cho đến khi đủ 18 tuổi; chấp nhận sự tự nguyện của chị Huyền không yêu cầu anh Kiên phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Anh Nguyễn Văn Kiên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự, quyền yêu cầu thi hành án.

Ngày 22/5/2019 anh Nguyễn Văn K kháng cáo. Đề nghị cấp phúc thẩm xét xử giao cho anh K trực tiếp nuôi con, anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng cho con.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh Nguyễn Văn K giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, giao con chung là Nguyễn Đình Thiên Ph cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, anh K không yêu cầu chị H cấp dưỡng cho con. Ngoài nội dung trên anh K không kháng cáo nội dung nào khác. Hiện nay anh đi làm từ 7 giờ đến 15 giờ hàng ngày nên có nhiều thời gian chăm sóc con. Anh K có thu nhập nhiều hơn chị H, hơn nữa con chung là con trai nên anh chăm sóc sẽ thuận lợi hơn. Anh K nộp thêm Giấy xác nhận sổ lương chi tiết tháng 7/2019 của anh K (bản sao).

Chị Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không nhất trí nội dung kháng cáo của anh K. Hiện chị đi làm công nhân gần nhà, thời gian đi làm

từ 7 giờ đến 16 giờ 30 phút, thu nhập từ 4,5 đến 5 triệu/tháng chưa tính tiền tăng ca. Do vậy chị có đủ điều kiện nuôi con. Hơn nữa anh K đi làm ở Quảng Ninh hai ba tuần mới về một lần nên việc chăm sóc con chung không thuận lợi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư Ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh K, giữa nguyên bản án sơ thẩm số 17/2019/HNGĐ-ST ngày 21/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn K gửi đơn kháng cáo trong thời gian luật định, phù hợp quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung kháng cáo của anh K, HĐXX xét thấy: Chị H và anh K có 01 con chung là Nguyễn Đình Thiên P, sinh ngày 02/9/2017, hiện đang ở với anh K. Chị Huyền và anh K đều làm công nhân, anh K có thu nhập ổn định từ 9 đến 10 triệu đồng/tháng, được chứng minh bằng các văn bản xác nhận lương của công ty, chị H có thu nhập ổn định từ 5 đến 6 triệu đồng/tháng và ở cùng bố mẹ đẻ của chị. Về thời gian làm việc thì anh K đi làm từ 7 giờ đến 15 giờ hàng ngày nhưng hiện đang lao động tại Quảng Ninh. Chị H làm công ty gần nhà với thời gian lao động từ 7 giờ đến 16 giờ 30 hàng ngày. Cả chị H và anh K đều có đủ điều kiện để nuôi con, song hiện con chung còn quá nhỏ, mới được 02 năm 18 ngày tuổi nên cần sự chăm sóc của người mẹ hơn. Cấp sơ thẩm đã căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng cho con là phù hợp quy định của pháp luật. Do vậy, không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn K. Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 17/2019/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

[3] Về án phí: Kháng cáo của anh Nguyễn Văn K không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm dân sự (Hôn nhân và gia đình).

[4] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn K, giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 17/2019/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Căn cứ vào các Điều: 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là Nguyễn Đình Thiên P, sinh ngày 02/9/2017 cho đến khi đủ 18 tuổi; chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Kiên phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Anh Nguyễn Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Anh Nguyễn Văn K phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự (Hôn nhân và gia đình) phúc thẩm. Được đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm, theo biên lai số AA/2017/0005125 ngày 22/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

3. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *TAND huyện Tứ Kỳ;*
- *Chi cục T.H.A DS huyện Tứ Kỳ;*
- *UBND xã T, huyện K;*
- *UBND xã K, huyện K;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân